

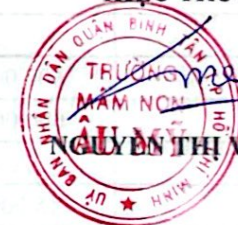
CÔNG KHAI THU CHI TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ 36/2017/TT-BGDĐT

Nội dung	Mức thu	Thực hiện NH 2024-2025	Kế hoạch NH 2025- 2026	Kế hoạch NH 2026-2027	Ghi chú
I.Thu học phí, thu sự nghiệp,thu hộ chi hộ		2.475.220.000	2.475.220.000	2.475.220.000	
1.Thu học phí		1.637.500.000	1.637.500.000	1.637.500.000	
- Học phí nhà trẻ(từ 6th-36th)	2.500.000đ/học sinh/tháng	1.637.500.000	1.637.500.000	1.637.500.000	
- Học phí mẫu giáo(từ 3 tuổi-6 tuổi)	2.300.000/học sinh/tháng				
2.Thu sự nghiệp		70.200.000	70.200.000	70.200.000	
-Tổ chức quản lý và vệ sinh bán trú	100.000đ/học sinh/tháng	70.200.000	70.200.000	70.200.000	
- Thiết bị vật dụng PV bán trú	đ/học sinh/năm				
- Phục vụ ăn sáng	đ/học sinh/tháng				
- Năng khiếu					
3.Thu hộ chi hộ		767.520.000	767.520.000	767.520.000	
- Học phẩm cả năm	600.000đ/học sinh/năm	46.800.000	46.800.000	46.800.000	
- Học cụ - học liệu	600.000đ/học sinh/năm	46.800.000	46.800.000	46.800.000	
- Nước uống	đ/học sinh/tháng				
- Tiền ăn sáng	15.000đ/học sinh/ngày	252.720.000	252.720.000	252.720.000	
- Tiền ăn trưa	25.000đ/học sinh/ngày	421.200.000	421.200.000	421.200.000	
- Khám sức khỏe	đ/học sinh/năm				
- Bảo hiểm tai nạn học sinh	đ/học sinh/năm				
II.Chi học phí, thu sự nghiệp,thu hộ chi hộ		2.475.220.000	2.475.220.000	2.475.220.000	
1.Chi học phí		1.637.500.000	1.637.500.000	1.637.500.000	
- Tiền học phí		1.637.500.000	1.637.500.000	1.637.500.000	Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập, lễ hội, thưởng tết...
2. Chi nguồn sự nghiệp		70.200.000	70.200.000	70.200.000	

Nội dung	Mức thu	Thực hiện NH 2024-2025	Kế hoạch NH 2025 2026	Kế hoạch NH 2026-2027	Ghi chú
- Tổ chức quản lý và vệ sinh bán trú		70.200.000	70.200.000	70.200.000	
- Thiết bị vật dụng PV bán trú		0	0	0	
- Phục vụ ăn sáng		0	0	0	
- Năng khiếu		0	0	0	
3.Thu hộ chi hộ		767.520.000	767.520.000	767.520.000	
- Học phẩm cả năm		46.800.000	46.800.000	46.800.000	
- Học cụ - học liệu		46.800.000	46.800.000	46.800.000	
- Nước uống		0	0	0	
- Tiền ăn sáng		252.720.000	252.720.000	252.720.000	
- Tiền ăn trưa		421.200.000	421.200.000	421.200.000	
- Khám sức khỏe		0	0	0	
- Bảo hiểm tai nạn học sinh		0	0	0	

Ngày 06 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ VÂN ANH

Công khai các khoản chi năm học 2024-2025

STT	Nội Dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
1	Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập nước ngoài	Đồng	1.637.500.000	
2	Mức thu nhập hằng hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý(mức cao nhất, bình quân và thấp nhất)	Đồng		
2,1	Mức cao nhất	Đồng/người /tháng	11.500.000	
2,2	Mức bình quân	Đồng/người /tháng	10.000.000	
2,3	Mức thấp nhất	Đồng/người /tháng	8.500.000	
3	Mức chi thường xuyên/học sinh	đồng/học sinh/tháng	2.300.000	
4	Chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị	đồng/học sinh/tháng	177.778	

Ngày 06 tháng 06 năm 2025

Hiệu trưởng



NGUYỄN THỊ VÂN ANH

Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2024-2025

STT	Nội Dung	Số người	Số tiền(đồng)	Ghi chú
1	Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí	0	0	
2	Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập	0	0	

Ngày 06 tháng 06 năm 2025

Hiệu trưởng



NGUYỄN THỊ VÂN ANH